TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2019/KDTM - ST
Ngày 27/11/2019
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tất Bẩy.

- Bà Ngô Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang: Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/KDTM-ST, ngày *24* tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-ST ngày *25* tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST - KDTM ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Địa chỉ trụ sở: 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn K - Giám đốc B - Chi nhánh Bắc Giang.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Bằng G - Chức vụ Giám đốc Phòng Giao dịch L (nay là Trưởng phòng Quản lý rủi ro - Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang (có mặt).

-Bị đơn*:* Bà Đào Thuý H - Sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị G- Sinh năm 1934.

Địa chỉ: Khu N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bà Nguyễn Thị G (chết ngày 01/02/2019), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Gái là bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1957. Địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1964. Địa chỉ: Khu M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ông Nguyễn Văn M - sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đều vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Nguyễn Mỹ L2, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

HKTT: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Tân Tiến, xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Đào Kim O, sinh năm 2002. (Người đại diện cho chị O là bà Đào Thúy H, là mẹ đẻ. Chị O và bà H đều vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Nguyễn Đào Linh C, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Chị Nguyễn Hương Tr, sinh năm1990. (Vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 28/4/2017, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng B, Chi nhánh Bắc Giang trình bầy:

Do nhu cầu sản xuất kinh doanh nên từ năm 2014 đến năm 2015, Hộ kinh doanh ông Nguyễn Bá T và bà Đào Thúy H đã ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch L cụ thể: Ngày 23/04/2015 ông Nguyễn Bá T và bà Đào Thúy H có đề nghị vay vốn của Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch L. Theo đó hai bên đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/6341566/HĐTD ngày 23/04/2015, chi tiết như sau:

+ Số tiền vay:495.000.000đ

+ Mục đích vay: Kinh doanh Xi măng

+ Lãi suất: 9,5%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Phạt đối với nợ lãi chậm trả là: 0,5%/năm (x) số lãi chậm trả (x) số ngày.

+ Ngày đến hạn15/12/2015.

+ Số tiền đã trả: Gốc:0 đ, Lãi: 11.000.000 đ

+ Dư nợ đến hết ngày 27/11/2019 là: Gốc: 495.000.000 đ, Lãi quá hạn: 302.565. 312 đồng. (chưa tính phần tiền phạt đối với lãi chậm trả).

Toàn bộ dư nợ nêu trên được bảo đảm bằng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 030854, số vào sổ 02338 do UBND huyện Lục ngạn cấp ngày 20/08/2004 thửa số 31ª và 37b, tờ bản đồ số 15 diện tích 100m^2 trong đó 61m2 đất ở, 39m2 đất vườn và tài sản trên đất, theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số: 110R/2014/HĐBĐ ngày 16/06/2014:

Ngày 30/9/2015 ông T chết. Ngày15/12/2015 đến hạn trả nợ ông T, bà H không trả được nợ theo cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần đến đôn đốc yêu cầu bà Đào Thúy H là vợ ông T thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng, hoàn

trả đầy đủ phần gốc đã quá hạn và lãi phát sinh còn lại cho Ngân hàng nhưng bà H đã không thực hiện theo như cam kết trong hợp đồng giữa 02 bên đã ký.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân Huyện Lục ngạn buộc Bà Đào Thúy H trả nợ cho Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L các khoản như sau: **(i)** số tiền gốc còn nợ là**:** 495.000.000 đồng; **(ii)** số tiền lãi còn nợ tính đến hết ngày 27/11/2019 (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) là: 302.565. 312 đồng; **(iii)** số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính từ ngày 28/11/2019 và tiền phạt đối với lãi chậm trả tình từ khi chậm trả cho đến ngày trả hết nợ gốc, lãi với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Bà Đào Thúy H không thực hiện thanh toán khoản nợ gốc, lãi và tiền phạt đối với lãi chậm trả phát sinh nêu trên thì Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản nợ trên để thu hồi nợ, bao gồm tài sản bảo đảm như đã nêu ở trên. Toàn bộ số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của bà Đào Thúy H đối với Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang-Phòng giao dịch L . Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà Đào Thúy H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang-Phòng giao dịch L .

***Bị đơn là bà Đào Thúy H** đang có nghĩa vụ trả gốc và hàng tháng phải trả lãi cho Ngân hàng, chị Nguyễn Đào Linh C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng bà H, chị C đi khỏi nơi cư trú, không thông báo Ngân hàng và cũng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Toà án xác minh tại địa phương nhiều lần xác định bà H, chị C có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đi không thông báo cho địa phương biết địa chỉ nên địa phương không biết bà H, chị C đi đâu, làm gì. Tòa án đã phải niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, thông báo yêu cầu cung cấp văn bản trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ hợp lệ nhiều lần tại nơi cư trú của bà H, chị C yêu cầu bà H, chị C đến Tòa án làm việc, nhưng bà H, chị C không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải. bà H, chị C cố tình che giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Ngân hàng. Toà án đã thông báo cho bà H, chị C trên các phương tiện thông tin đại chúng về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và lịch làm việc của Tòa án nhưng bà H, chị C không có tin tức gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng không hòa giải được vì bà H, chị C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Ngày 11/11/2019 Tòa án mở phiên tòa nhưng do bà H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý doTòa án đã phải hoãn phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Mỹ L2, trình bầy: chị là con ông Nguyễn Bá T, bà Đào Thúy H là mẹ kế của chị, kể từ khi mẹ chị là bà Đỗ Thị Mai H1 và bố chị không chung

sống cùng nhau nữa thì chị ở với bố T. Nhưng việc vay nợ giữa bố chị ông T, bà H và Ngân Hàng B - Chi nhánh Bắc Giang-Phòng giao dịch L ra sao thì chị không biết. Ngày 30/9/2015 bố chị mất đi không để lại di chúc thì việc trả nợ cho Ngân hàng ra sao bà H phải có trách nhiệm, chị không có ý kiến. Sau tài sản của bố chị để lại phải xử lý trả nợ cho Ngân hàng thì chị không đồng ý, chị không có trách nhiệm trong khoản nợ trên.

Chị Nguyễn Hương Tr, trình bầy: chị là con ông Nguyễn Bá T, bà Đào Thúy H là mẹ kế của chị, kể từ khi mẹ chị là bà Đỗ Thị Mai H1 và bố chị không chung sống cùng nhau nữa thì chị ở với mẹ. Vì vậy việc vay nợ giữa bố chị ông T, bà H và Ngân Hàng B - Chi nhánh Bắc Giang-Phòng giao dịch L ra sao thì chị không biết. Ngày 30/9/2015 bố chị mất đi không để lại di chúc thì việc trả nợ cho Ngân hàng ra sao bà H phải có trách nhiệm, chị không có ý kiến. Sau tài sản của bố chị để lại phải xử lý trả nợ cho Ngân hàng thì chị không có ý kiến, chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Chị Nguyễn Đào Kim O trình bầy: chị là con ông Nguyễn Bá T và bà Đào Thúy H. Chị được biết vào ngày 23/4/2015 bố chị là ông Nguyễn Bá T có ký hợp đồng tín dụng Ngân Hàng B - Chi nhánh Bắc Giang-Phòng giao dịch L vay số tiền là 495.000.000đồng, thời hạn vay là 08 tháng, lãi suất: 9,5%/ năm. Ngày đến hạn15/12/2015. Để đảm bảo cho khoản vay trên bố mẹ chị có ký hợp đồng thế chấp bất động sản, đơn yêu cầu đăng ký tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Biên bản định giá tài sản thế chấp. Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản đảm bảo đối với thửa đất có diện tích 100m^2 trong đó 61m2 đất ở, 39m2 đất vườn và tài sản trên đất. Nhưng đến ngày 30/9/2015 khi chưa đến hạn trả nợ khoản vay trên cho Ngân hàng thì bố chị đột ngột qua đời,nên chưa trả được cho Ngân hàng và mẹ chị cũng chưa trả được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu mẹ chị và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong đó có chị phải trả nợ cho Ngân hàng thì chị xác định tài sản thế chấp và khoản vay nợ trên là nợ chung của bố mẹ chị. Nhưng nay bố chị đã mất nên mẹ chị có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Nếu mẹ chị không trả được thì Ngân hàng có quyền phát mại tài tài thế chấp có quyền lợi của chị ở trên thì chị không có ý kiến gì.

Bà Nguyễn Thị G, trình bầy: Bà là mẹ đẻ ông Nguyễn Bá T, chị Đào Thúy H là con dâu của bà. Nay con trai bà là anh Nguyễn Bá T đã mất nên việc vay nợ giữa ông T, chị Hằng và Ngân hàng ra sao thì bà không được biết. Vì vậy bà không nhận bất cứ văn bản, tài liệu gì của Tòa án giao cho và không trình bày bất cứ nội dung gì liên quan đến việc khởi kiện của Ngân hàng.

Anh Nguyễn Quyết T2, trình bầy: Anh có quan hệ là con ruột của ông Nguyễn Bá T còn bà Đào Thuý H là mẹ kế của anh. Anh được biết vào ngày 23/4/2015 bố anh có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6341566/HĐTD với Ngân hàng B - chi nhánh Bắc Giang, phòng giao dịch huyện Lục Ngạn để vay số tiền là 495.000.000 đồng. Thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày 23/4/2015 đến ngày 15/12/2015, lãi suất 9,5%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bố anh và bà Đào Thuý H đã ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, mảnh đất có diện tích là 100m^2 (61m^2 đất ở, 39m^2 đất vườn), tài sản trên đất là nhà kho diện tích 100m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 030854 do UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/8/2004 tên bà Đào Thuý Hằng. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 110R/2014/HĐBĐ, ký ngày 16/6/2014 nhưng chưa đến hạn thanh toán với ngân hàng thì bố anh đột ngột qua đời, nên chưa thể trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng theo đúng hẹn được và bà H cũng chưa trả được nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng B - chi nhánh Bắc Giang khởi kiện buộc bà Đào Thuý H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền gốc 495.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn), lãi phát sinh đến ngày 06/02/2018 là 122.368.125 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) và phí phạt trả chậm là 51.270.313 đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi nghìn ba trăm mười ba đồng). Tổng số tiền Ngân hàng B - chi nhánh Bắc Giang yêu cầu bà H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ 668.638.438 đồng (Sáu trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) thì anh xác định đó là nợ chung của bố anh và bà H, tài sản thế chấp cũng là tài sản chung của bố anh và bà H nhưng nay bố anh đã mất nên bà H phải có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho ngân hàng. Nếu bà H không trả thì ngân hàng có quyền phát mại tài sản thế chấp, sau khi trừ nợ và các khoản chi phí nếu còn thừa thì anh yêu cầu được nhận phần giá trị tài sản anh được quyền hưởng theo qui định của pháp luật thừa kế.

Do anh bận công việc, không thường xuyên có mặt tại địa phương nên anh xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, Ngân hàng B- Chi nhánh Bắc Giang. Do ông: Nguyễn Văn K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B- Chi nhánh Bắc Giang là đại diện theo văn bản số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016, về việc uỷ quyền tham gia tố tụng của Tổng giám đốc Ngân hàng B.

Sau khi nhận uỷ quyền ông Nguyễn Văn K đã uỷ quyền lại cho ông Hoàng Bằng G - Chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch L (nay là Trưởng phòng Quản lý rủi ro - Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang người đại diện trình bầy: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện Lục ngạn buộc bà Đào Thúy H trả nợ cho Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L các khoản như sau: **(i)** số tiền gốc còn nợ là**:** 495.000.000 đồng; **(ii)** số tiền lãi còn nợ tính đến hết ngày 27/11/2019 (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) là: 302.565. 312 đồng; **(iii)** số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính từ ngày 28/11/2019 và tiền phạt đối với lãi chậm trả tình từ khi chậm trả cho đến ngày trả hết nợ gốc, lãi với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Bà Đào Thúy H không thực hiện thanh toán khoản nợ gốc, lãi và tiền phạt đối với lãi chậm trảphát sinh nêu

trên thì Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản nợ trên để thu hồi nợ, bao gồm tài sản bảo đảm như đã nêu ở trên. Toàn bộ số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của bà Đào Thúy H đối với Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang-Phòng giao dịch L . Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà Đào Thúy H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang-Phòng giao dịch L .

Bị đơn bà Đào Thúy H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Mỹ L2, chị Nguyễn Đào Linh C, chị Nguyễn Đào Kim O, chị Nguyễn Hương Tr, anh Nguyễn Quyết T2. Đã được Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt. Bà Nguyễn Thị G đã chết ngày 01/02/2019 Tòa án đã tiến hành thông báo với các người con của bà Gái gồm là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn M nhưng không ai có ý kiến gì nên Tòa án đã cùng địa phương tiến hành lập biên bản làm việc về nội dung này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của phấp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý, đến khi xét xử đã quá thời hạn giải quyết vụ án Tòa án đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 292; Điều 322; Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang.

Buộc bà Đào Thúy H phải thanh toán trả cho Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L số tiền nợ gốc còn lại là 495.000.000đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi phát sinh là 302.565.312 đồng, tổng là 797.565.312 đồng (Bảy trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm mười hai đồng) tính đến ngày 27/11/2019.

Trường hợp bà Đào Thúy H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ gốc là 495.000.000đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi phát sinh thì Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số

110R/2014/HĐBĐ, ký ngày 16/6/2014, tài sản thế chấp là diện tích đất mảnh đất có diện tích là 100m^2 (61m^2 đất ở, 39m^2 đất vườn), tài sản trên đất là nhà kho diện tích 100m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 030854 do UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/8/2004 tên bà Đào Thuý H địa chỉ thửa đất ở Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Toàn bộ số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của bà Đào Thúy H đối với Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà Đào Thúy H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L .

Kể từ ngày 28/11/2019, bà Đào Thúy H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp mà các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Đào Thúy H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ông Nguyễn Bá T là cá nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh, vay tiền Ngân hàng nhằm mục đích kinh doanh xi măng, nơi thực hiện hợp đồng là trụ sở của Ngân hàng B - chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L, khi giao kết hợp đồng các bên đã thoả thuận về thẩm quyền giải quyết vụ án khi xảy ra tranh chấp trong hợp đồng tín dụng ngày 23/4/2015 "Trường hợp không tự thương lượng được thì các bên có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình. Hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn", địa chỉ cư trú của ông T, bà H tại thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn. Chị Nguyễn Đào Linh C là con chung của ông T, bà H thường xuyên đi nước ngoài. Tại Công văn số 4704/A08-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an xác định: Chị Nguyễn Đào Linh C, sinh ngày 18/02/1999 đã xuất nhập cảnh 5 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 10/02/2019 (Sau thời điểm Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn thu lý giải quyết). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành huyện Lục Ngạn theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa:* Bị đơn là bà Đào Thúy H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Ngân hàng đã làm thủ tục thông báo bà H, chị C trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà H, chị C không đến Toà án làm việc. Ngày 11/11/2019, Tòa án phải hoãn phiên tòa do bà H, chị C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ngày 23/4/2015 các bên giao kết với nhau hợp đồng tín dụng theo đó Ngân hàng B- Chi nhánh Bắc Giang, Phòng giao dịch L là bên cho vay, T là cá nhân có đăng ký kinh doanh là bên vay, thế chấp bằng chính tài sản của ông T, bà H, thời hạn vay đến ngày 15/12/2015 ông T, bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, ngoài ra hàng tháng ông T, bà H còn phải trả lãi. Tuy nhiên, sau khi vay ông T chết, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả lãi như cam kết theo hợp đồng tín dụng và đến hạn trả gốc bà H cũng không trả. Ngày 13/12/2018 Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc Ngân hàng làm đơn khởi kiện đối với bà Đào Thúy H là còn thời hiệu khởi kiện

[2]. **Về nội dung**.

Đối với yêu cầu thanh toán nợ nợ gốc còn lại là 495.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L. Hội đồng xét xử xét thấy giữa Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L và ông Nguyễn Bá T, vợ là bà Đào Thúy H có lập Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/6341566/HĐTD ngày 23/04/2015, vay của Ngân hàng số tiền là 495.000.000đồng. Mục đích vay vốn là để kinh doanh xi măng, phát triển kinh tế gia đình, hạn trả ngày 15/12/2015. Để đảm bảo cho khoản vay nợ trên giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Bá T, vợ là bà Đào Thúy H có lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 110R/2014/HĐBĐ, ký ngày 16/6/2014, tài sản thế chấp là diện tích đất mảnh đất có diện tích là 100m^2 (61m^2 đất ở, 39m^2 đất vườn), tài sản trên đất là nhà kho diện tích 100m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 030854 do UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/8/2004 tên bà Đào Thuý H địa chỉ thửa đất ở Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang tài sản gắn liền với đất là 01 nhà kho. Đến hạn ngày 15/12/2015 ông T, bà H không trả được nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu bà H, ông T thanh thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Ngày 30/9/2015 ông Nguyễn Bá T chết Ngân hàng đã nhiều lần đến đôn đốc bà H trả số nợ gốc là 495.000.000đồng và tiền lãi phát sinh, nhưng bà H vẫn

không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng, giữa bà H và Ngân hàng không có thỏa thuận nào khác về việc trả số tiền nợ gốc còn lại và số tiền nợ lãi phát sinh, cho đến nay bà H vẫn chưa thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/11/2019, số tiền mà bà H phải thanh toán cho Ngân hàng bao gồm tiền nợ gốc còn lại là 495.000.000đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh phải thu là 302.565.312đồng, như vậy tổng số tiền mà bà H phải thanh toán trả cho Ngân hàng là 797.565.312đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trường hợp bà Đào Thúy H không thanh toán được số nợ gốc còn lại và số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng tính đến ngày 27/11/2019 là 797.565.312đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng là Hợp đồng thế chấp tài sản số 110R/2014/HĐBĐ, ký ngày 16/6/2014, tài sản thế chấp là diện tích đất mảnh đất có diện tích là 100m^2 (61m^2 đất ở, 39m^2 đất vườn), tài sản trên đất là nhà kho diện tích 100m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 030854 do UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/8/2004 tên bà Đào Thuý H địa chỉ thửa đất ở Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. HĐXX, xét thấy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 110R/2014/HĐBĐ, ký ngày 16/6/2014, đã được công chứng tại Văn phòng công chứng số 2, thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang và đã được đăng ký đảm bảo thế chấp quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu phát mại tài sản thế chấp, trong trường hợp bà Đào Thúy H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ gốc còn lại và khoản tiền lãi phát sinh của Ngân hàng cần được HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thúy H phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 35.902.600đồng (Ba mươi năm triệu, chín trăm linh hai nghìn, sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 292; Điều 322; Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang.

Buộc bà Đào Thúy H phải thanh toán trả cho Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L số tiền nợ gốc còn lại là 495.000.000đồng (Bốn

trăm chín mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi phát sinh là 302.565.312 đồng, tổng là 797.565.312 đồng (Bảy trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm mười hai đồng) tính đến ngày 27/11/2019.

Trường hợp bà Đào Thúy H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ gốc là 495.000.000đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi phát sinh thì Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 110R/2014/HĐBĐ, ký ngày 16/6/2014, tài sản thế chấp là diện tích đất mảnh đất có diện tích là 100m^2 (61m^2 đất ở, 39m^2 đất vườn), tài sản trên đất là nhà kho diện tích 100m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 030854 do UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/8/2004 tên bà Đào Thuý H địa chỉ thửa đất ở Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Toàn bộ số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của bà Đào Thúy H đối với Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà Đào Thúy H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang - Phòng giao dịch L .

Kể từ ngày 28/11/2019, bà Đào Thúy H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp mà các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Đào Thúy H phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 35.902.600đồng (Ba mươi năm triệu, chín trăm linh hai nghìn sáu trăm đồng). Hoàn trả Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang số tiền tạm ứng án phí 14.150.000đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003231 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Giang được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ngọc Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ngọc Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ngọc Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ngọc Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ngọc Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Bẩy **Vũ Ngọc Côn**

Lương Thị Ngọc Hà

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh

doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").
(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").
(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).
(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)